

Những thông tin ngắn

Nhật Bản ngày nay ～ Work Life Balance ～

“Work Life Balance” là từ ngữ chỉ sự cân đối, điều hòa giữa công việc và cuộc sống. Đây là khái niệm phổ biến ở Âu Mỹ, nơi mà người phụ nữ phần đông ra ngoài xã hội làm việc. Phụ nữ Nhật chưa ra ngoài nhiều như thế nhưng để giúp họ có thể song toàn cả việc cơ quan lẫn thiên chức nuôi con nhằm ngăn chặn đà giảm dân số thì thực hiện khái niệm này là một phương án tốt. Nhiều doanh nghiệp và chính quyền địa phương hiện đã đưa phương châm “Work Life Balance” vào thực hiện, xem xét lại thời gian làm việc như rút ngắn giờ làm việc hoặc khuyến khích việc lấy ngày nghỉ phép để nuôi con bình đẳng giữa nam và nữ.

Mặt khác, theo một điều tra của văn phòng chính phủ về việc thực hiện “Work Life Balance”, hơn 20% người trả lời cho rằng “độ hài lòng trong cuộc sống đã tăng lên”. Khi công việc được làm với hiệu suất cao, độ hài lòng cuộc sống tăng lên thì người ta cũng thấy hăng hái hơn trong công việc. Đó là những gì mà “Work Life Balance” đem lại, không kể đó là nam hay nữ, hoặc cách sống như thế nào.

Tiếng Nhật thể hiện cảm xúc ～ Chúc phúc trong tiếng Nhật ～

Chúc phúc là chúc mừng hạnh phúc (của người khác), hoặc chỉ những điều mong ước, cầu nguyện. Ở Nhật Bản từ ngày xưa người ta đã hay chúc phúc người khác, để cùng san sẻ niềm vui với nhau.

Chữ “shuku”, hoặc chữ “iwau” (chúc) đều có nghĩa là cầu nguyện, giữ mình cho sạch. Thời xưa người ta nghĩ những gì thể hiện qua lời nói sẽ biến thành hiện thực, vì thế khi có chuyện vui người ta thường cùng nhau chúc tụng để niềm vui được kéo dài mãi.

“Omedetou” là câu chúc phúc chúng ta thường gặp nhất, và lạ kỳ thay câu này không chỉ người được chúc mà cả người chúc cũng cảm thấy hạnh phúc. Một câu khác để bày tỏ niềm vui là “Banzai” (vạn tuế), dùng để bày tỏ một niềm vui phấn kích. Còn “Kahousha” dùng để chỉ người may mắn, người có phước được nhận quả tốt từ nhân lành, cũng hàm ý nếu cố gắng thì sẽ nhận được kết quả tốt.

Khi đứng trước một ngưỡng cửa quan trọng như nhập học, tốt nghiệp, đi làm, kết hôn thì có chữ “kadode” hay “sudachi” (có nghĩa là “khởi hành”), còn khi muốn ví cuộc đời như một cuộc hành trình trên biển, khi tàu ra khơi thì có “zentoyouyou” để chỉ hy vọng tràn đầy vào tương lai, mong muốn mọi sóng gió sẽ được vượt qua.

Trong cuộc sống hàng ngày của mình, chắc chắn các bạn sẽ gặp những câu, chữ tiếng Nhật nói lên những điều mong ước tốt đẹp. Các bạn thử tìm xem là những câu, chữ nào nhé.

ミニ情報

日本のいま ～ワーク・ライフ・バランス～

「仕事と生活の調和」という意味の「ワーク・ライフ・バランス」。元々欧米で普及した施策で、その背景には女性の社会進出があります。日本は女性の社会進出度は世界の中ではあまり高くありませんが、仕事と子育ての両立が難しいことを原因のひとつとする少子化への対応策として、時短労働や男女公平な育児休暇取得の奨励といった労働時間の見直し等がワーク・ライフ・バランスという言葉掲げて企業や自治体によって推進されています。

一方、内閣府の調査によると、ワーク・ライフ・バランスの取組みによって20%超の人が「生活満足度が上がった」と回答したそうです。漫然とではなく効率良く仕事をすることによって上がった生活の満足感が更に仕事に対する活力の充実にも繋がる、というワーク・ライフ・バランスの理念は、性別やライフスタイルを問わずどんな人にも有効なようです。

心を伝える日本語 ～祝福の日本語～

祝福とは、(他人の) 幸福を祝い、また祈ることをいいます。日本では随分昔から人の幸福を祝い、いいことがあると一緒に喜び合ってきました。

“祝”という字も“祝う”という言葉も、身を浄めて祈るという意味だったそうで、物事は言葉にあらわすことによって現実のものになると考えられていた時代、いいことがあると、それがいつまでも続くようにと、ロ々に喜び合うことが祈りでもあったようです。

『おめでとう』は、私たちが最も一般的に使う祝福の言葉で、自分まで幸せに感じてくるのですから不思議です。うれしいとき『万歳 (ばんざい)』と言って喜ぶのは、威勢よく祝福するのにぴったりの言葉です。『果報者』は幸せや日頃の精進が報われたことなどを祝福し、一生懸命頑張れば報われるという大きな希望にもつながります。

入学、卒業、就職、結婚など新たなスタートを切る時は『門出』や『巣立ち』、さらに、人生を航海にたとえ、船出のとき『前途洋々』といって、未来が希望に満ちあふれ、どんな荒波も乗り越えていってほしいとの願いをこめた言葉など、沢山の祝福の言葉があります。

折折に、幸せを願って祈りをこめて唱えてきた祝福の日本語、日常生活の中で探してみてもいかがでしょうか。